

Họ, tên thí sinh :
Số báo danh : Phòng thi:



I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Hỗn hợp X gồm 0,15 mol vinylaxetilen và 0,6 mol H_2 . Nung nóng hỗn hợp X (xúc tác Ni) một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với H_2 bằng 10. Dẫn hỗn hợp Y qua dung dịch brom dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng brom tham gia phản ứng là

- A. 16 gam. B. 24 gam. C. 8 gam. D. 48 gam.

Câu 2: Một hidrocarbon mạch hở X công thức C_5H_8 . Hidro hóa hoàn toàn X thu được isopentan. Số công thức cấu tạo có thể có của X là

- A. 4. B. 6. C. 7. D. 5.

Câu 3: Hòa tan hoàn toàn 2,43 gam hỗn hợp gồm Mg và Zn vào một lượng vừa đủ dung dịch H_2SO_4 loãng, sau phản ứng thu được 1,12 lít H_2 (đktc) và dung dịch X. Khối lượng muối trong dung dịch X là

- A. 7,23 gam. B. 7,33 gam. C. 4,83 gam. D. 5,83 gam.

Câu 4: Cho dung dịch chứa m gam hỗn hợp gồm phenol (C_6H_5OH) và axit axetic tác dụng vừa đủ với nước brom, thu được dung dịch X và 33,1 gam kết tủa 2,4,6-tribromphenol. Trung hòa hoàn toàn X cần vừa đủ 500 ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của m là

- A. 33,4 B. 24,8 C. 21,4 D. 39,4

Câu 5: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai ancol, thu được 13,44 lít khí CO_2 (đktc) và 15,3 gam H_2O . Mặt khác, cho m gam X tác dụng với Na (dư), thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 15,3. B. 12,9. C. 12,3. D. 16,9.

Câu 6: Hợp chất hữu cơ X tác dụng được với dung dịch NaOH và dung dịch brom nhưng không tác dụng với dung dịch $NaHCO_3$. Tên gọi của X là

- A. metyl axetat B. axit acrylic C. aniline D. phenol

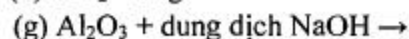
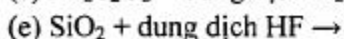
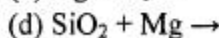
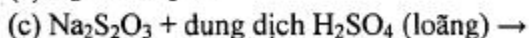
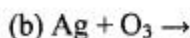
Câu 7: Thủy phân hỗn hợp gồm 0,01 mol saccarozơ và 0,02 mol mantozơ trong môi trường axit, với hiệu suất đều là 60% theo mỗi chất, thu được dung dịch X. Trung hòa dung dịch X, thu được dung dịch Y, sau đó cho toàn bộ Y tác dụng với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A. 7,776. B. 8,208. C. 9,504. D. 6,480.

Câu 8: Cho dãy các chất và ion sau: Cl_2 , F_2 , SO_2 , Na^+ , Ca^{2+} , Fe^{2+} , Al^{3+} , Cr^{3+} , S^{2-} , Cl^- . Số chất và ion trong dãy vừa có tính oxi hóa, vừa có tính khử là

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 9: Cho các phản ứng sau:



Số phản ứng oxi hóa khử là

- A. 5. B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 10: Để hoà tan a mol một kim loại M cần dùng vừa đủ a mol H_2SO_4 đặc, nóng giải phóng khí SO_2 . Vậy M có thể là kim loại nào trong các kim loại sau ?

- A. Ag B. Au C. Fe D. Cu

Câu 11: Cho 2,8 gam bột sắt vào 200 ml dung dịch gồm AgNO_3 0,1M và $\text{Cu(NO}_3)_2$ 0,5M; khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn X. Giá trị của m là

- A. 4,72. B. 3,20. C. 4,48. D. 4,08.

Câu 12: Cho các phát biểu sau:

- (a) Chất béo được gọi chung là triglixerit hay triaxylglixerol.
(b) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong dung môi hữu cơ.
(c) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
(d) Tristearin, triolein có công thức lần lượt là: $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$, $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 13: Chia hỗn hợp X gồm rượu metylic và một rượu no, đơn chức thành hai phần bằng nhau:

- Phần 1 cho tác dụng với Na dư, thu được 2,8 lít H_2 (đktc).
- Phần 2 dẫn qua CuO đun nóng, sau đó cho sản phẩm tham gia phản ứng tráng bạc thì thu được 86,4 gam Ag kết tủa.

Thành phần % về số mol của rượu metylic trong hỗn hợp A bằng:

- A. 60% B. 80% C. 50% D. Đáp án khác

Câu 14: Một nguyên tố tạo được với hidro hợp chất khí có công thức RH_n và oxi oxit cao nhất R_2O_m trong đó $n : m = 3 : 5$. Tỷ lệ phân tử khối của hai hợp chất này là 1 : 4,18. Nguyên tố R là

- A. nitơ B. photpho C. Lưu huỳnh D. Selen

Câu 15: Đốt cháy hoàn toàn 7,6 gam hỗn hợp gồm một axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở và một ancol đơn chức (có số nguyên tử cacbon trong phân tử khác nhau) thu được 0,3 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O . Thực hiện phản ứng este hóa 7,6 gam hỗn hợp trên với hiệu suất 80% thu được m gam este. Giá trị của m là

- A. 2,04. B. 8,16. C. 4,08. D. 6,12.

Câu 16: Cho hỗn hợp gồm Fe và Mg vào dung dịch AgNO_3 , khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch X (gồm hai muối) và chất rắn Y (gồm hai kim loại). Hai muối trong X là

- A. AgNO_3 và $\text{Mg(NO}_3)_2$ B. $\text{Mg(NO}_3)_2$ và $\text{Fe(NO}_3)_2$
C. $\text{Fe(NO}_3)_2$ và AgNO_3 D. $\text{Fe(NO}_3)_3$ và $\text{Mg(NO}_3)_2$

Câu 17: Hỗn hợp X gồm hai axit cacboxylic đơn chức. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X cần 0,24 mol O_2 thu được CO_2 và 0,2 mol H_2O . Công thức hai axit là

- A. HCOOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. B. CH_3COOH và $\text{CH}_2=\text{CHCOOH}$.
C. CH_3COOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. D. $\text{CH}_2=\text{CHCOOH}$ và $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOH}$.

Câu 18: Loại tơ nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng hợp ?

- A. Tơ visco. B. Tơ nitron.
C. Tơ xenlulozơ axetat. D. Tơ nilon-6,6.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-CH}_2\text{-CO-NH-CH}_2\text{-COOH}$ là một dipeptit.
B. Ở điều kiện thường, metylamin và dimetylamin là những chất khí có mùi khai.
C. Muối phenylamoni clorua không tan trong nước.
D. Tất cả các peptit đều có phản ứng màu biure.

Câu 20: Điện phân (với điện cực trơ) 200 ml dung dịch CuSO_4 nồng độ x mol/l, kết thúc điện phân khi ở catot bắt đầu có bọt khí thoát ra. Dung dịch sau điện phân có khối lượng giảm 16 gam so với dung dịch ban đầu. Giá trị của x là

- A. 1,25. B. 0,5. C. 1. D. 5.

Câu 21: Khi cho một anken công thức phân tử C_4H_8 phản ứng với dung dịch KMnO_4 thu được sản phẩm gồm ancol $\text{C}_4\text{H}_8(\text{OH})_2$ và một chất rắn màu nâu đen. Sau khi cân bằng, tổng các hệ số (nguyên, tối giản) của phương trình trên là

- A. 18. B. 14. C. 12. D. 16.

Câu 22: Đốt cháy hoàn toàn 20 cm^3 hơi hợp chất hữu cơ X (chỉ gồm C, H, O) cần vừa đủ 110 cm^3 khí O_2 , thu được 160 cm^3 hỗn hợp Y gồm khí và hơi. Dẫn Y qua dung dịch H_2SO_4 đặc (dư), còn lại 80 cm^3 khí Z. Biết các thể tích khí và hơi đo ở cùng điều kiện. Công thức phân tử của X là



- A. C_3H_8O . B. $C_4H_8O_2$. C. $C_4H_{10}O$. D. C_4H_8O .

Câu 23: Cho các nguyên tố: Ca ($Z = 20$), N ($Z = 7$), P ($Z = 15$), Mg ($Z = 12$). Dãy gồm các nguyên tố được sắp xếp theo chiều giảm dần bán kính nguyên tử từ trái sang phải là

- A. Ca, Mg, P, N B. N, Mg, P, Ca C. Ca, P, Mg, N D. N, P, Mg, Ca

Câu 24: Khử este no, đơn chức, mạch hở X bằng $LiAlH_4$, thu được ancol duy nhất Y. Đốt cháy hoàn toàn Y thu được 0,2 mol CO_2 và 0,3 mol H_2O . Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O là

- A. 16,8 gam B. 12,4 gam C. 24,8 gam D. 18,6 gam

Câu 25: Một dung dịch chứa đồng thời các bazơ tan $Ba(OH)_2$ 0,01M ; KOH 0,03M và NaOH 0,05M. Cần phải trộn dung dịch này với nước nguyên chất theo tỉ lệ thể tích là bao nhiêu để thu được dung dịch có $pH = 11$?

- A. 1 : 9 B. 1 : 100 C. 1 : 99 D. 1 : 10

Câu 26: Điện phân 300ml dung dịch hỗn hợp gồm $Cu(NO_3)_2$ 0,105M và NaCl 0,2M tới khi ở catot bắt đầu có bọt khí thoát ra thì dừng lại. Dung dịch sau điện phân có giá trị pH bằng

- A. 1. B. 2 C. 8. D. 7.

Câu 27: Số ancol bậc I là đồng phân cấu tạo của nhau có công thức phân tử $C_5H_{12}O$ là

- A. 3. B. 1. C. 8. D. 4.

Câu 28: Cho các phản ứng hóa học sau:

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| (1) $(NH_4)_2SO_4 + BaCl_2$ | (2) $CuSO_4 + Ba(NO_3)_2$ |
| (3) $Na_2SO_4 + BaCl_2$ | (4) $H_2SO_4 + BaSO_3$ |
| (5) $(NH_4)_2SO_4 + Ba(OH)_2$ | (6) $Fe_2(SO_4)_3 + Ba(NO_3)_2$ |

Số phản ứng có cùng một phương trình ion rút gọn: $SO_4^{2-} + Ba^{2+} \rightarrow BaSO_4 \downarrow$ là

- A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

Câu 29: Trong mọi nguyên tử hạt mang điện là

- A. cả ba loại hạt trên B. notron và electron C. prôtôn và notron D. prôtôn và electron

Câu 30: Để tách riêng các khí từ hỗn hợp gồm: CH_4 , C_2H_4 và C_2H_2 phải dùng những thuốc thử nào sau đây ?

- A. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , dung dịch Br_2 , dung dịch HCl và bột magie.
B. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , dung dịch Br_2 , dung dịch HCl và bột đồng.
C. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , dung dịch Br_2 và dung dịch HCl.
D. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , dung dịch Br_2 , dung dịch HCl và bột kẽm.

Câu 31: Cho cân bằng hóa học sau: $2SO_2(k) + O_2(k) \rightleftharpoons 2SO_3(k)$

Phản ứng thuận là phản ứng tỏa nhiệt. Để tăng hiệu suất quá trình oxi hóa SO_2 thành SO_3 người ta thường

- A. Tăng nhiệt độ và giảm áp suất B. Tăng nhiệt độ và tăng áp suất
C. Giảm nhiệt độ và tăng áp suất D. Giảm nhiệt độ và giảm áp suất

Câu 32: Nguyên tử nguyên tố X có tổng số phần tử cấu tạo (p, n, e) là 46 trong đó số hạt mang điện nhiều hơn không mang điện là 14. Nguyên tố X là

- A. Lưu huỳnh B. Clo C. Silic D. Phot pho

Câu 33: Oxi hóa hoàn toàn 1,2 gam chất hữu cơ X thu được hỗn hợp sản phẩm gồm 1,344 lít khí CO_2 (đktc) và 1,44 gam H_2O . Nhận định nào sau đây **đúng** ?

- A. Phân tử X chứa các nguyên tố cacbon, hiđro và oxi.
B. Phân tử X chứa các nguyên tố cacbon, hiđro và có thể có oxi.
C. Phân tử X chứa các nguyên tố cacbon, hiđro, oxi và có thể chứa thêm một số nguyên tố khác như nitơ, lưu huỳnh, photpho...
D. Phân tử X chứa các nguyên tố cacbon và hiđro.

Câu 34: Phát biểu nào sau đây là **sai** ?

- A. Độ âm điện của brom lớn hơn độ âm điện của iot.
B. Tính axit của HF mạnh hơn tính axit của HCl.
C. Tính khử của ion Br^- lớn hơn tính khử của ion Cl^- .
D. Bán kính nguyên tử của clo lớn hơn bán kính nguyên tử của flo.

Câu 35: Khi cho các chất hữu cơ có công thức phân tử CH_4 , C_2H_6 , C_3H_8 và C_4H_{10} tác dụng với Cl_2 theo tỉ lệ mol 1 : 1 số chất cho sản phẩm hữu cơ duy nhất là

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 36: Điện tích dương hạt nhân của nguyên tử nguyên tố R là $3,84 \cdot 10^{-18}$ culông. Ở trạng thái cơ bản, số electron độc thân của nguyên tử R là

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 37: Kết luận nào sau đây **không** đúng về tính chất của hợp kim ?

- A. Liên kết trong đa số tinh thể hợp kim vẫn là liên kết kim loại.
B. Hợp kim thường dẫn nhiệt và dẫn điện tốt hơn kim loại nguyên chất.
C. Độ cứng của hợp kim thường lớn hơn độ cứng của kim loại nguyên chất.
D. Nhiệt độ nóng chảy của hợp kim thường thấp hơn nhiệt độ nóng chảy của kim loại nguyên chất.

Câu 38: Trong phân tử 2,4-dimethylpentadien-1,3 số nguyên tử cacbon ở trạng thái lai hóa sp^3 và sp^2 lần lượt là

- A. 5 và 2. B. 3 và 4. C. 4 và 3. D. 2 và 5.

Câu 39: Cho các phát biểu sau:

- (a) Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở luôn thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O .
(b) Trong hợp chất hữu cơ nhất thiết phải có cacbon và hiđro.
(c) Những hợp chất hữu cơ có thành phần nguyên tố giống nhau, thành phần phân tử hơn kém nhau một hay nhiều nhóm CH_2 là đồng đẳng của nhau.
(d) Dung dịch glucozơ bị khử bởi AgNO_3 trong NH_3 tạo ra Ag.
(e) Saccarazơ chỉ có cấu tạo mạch vòng.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 40: Hỗn hợp Y gồm metan, etilen và propin có tỉ khối so với H_2 là 13,2. Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol hỗn hợp Y sau đó dẫn sản phẩm cháy vào dung dịch NaOH dư thì khối lượng bình tăng thêm m gam. Giá trị của m là

- A. 17,72 gam. B. 16,88 gam. C. 17,56 gam. D. 18,64 gam.

II. PHẦN RIÊNG (Thí sinh chỉ làm một trong hai phần: Phần A hoặc phần B)

Phần A. Dành cho các thí sinh học theo chương trình cơ bản (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Hỗn hợp X gồm một hidrocarbon ở thể khí và H_2 (tỉ khối hơi của X so với H_2 bằng 4,8). Cho X đi qua Ni đun nóng đến phản ứng hoàn toàn, thu được hỗn hợp Y (tỉ khối hơi của Y so với CH_4 bằng 1). Công thức phân tử của hidrocarbon là

- A. C_3H_4 B. C_2H_4 C. C_3H_6 D. C_2H_2

Câu 42: Điện phân nóng chảy muối MX_n (M là kim loại, X là halogen) thu được 4,8 gam kim loại ở catot và 2,688 lít khí (đktc) ở anot. Kim loại M là

- A. K B. Ca C. Mg D. Na

Câu 43: Cho các phát biểu:

- (1) Tất cả các anđehit đều có cả tính oxi hóa và tính khử;
(2) Tất cả các axit cacboxylic đều không tham gia phản ứng tráng bạc;
(3) Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch;
(4) Tất cả các ancol no, đa chức đều hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

Phát biểu **đúng** là

- A. (3) và (4) B. (1) và (3) C. (1) và (2) D. (2) và (4)

Câu 44: Cho 20ml dung dịch ancol etylic 46° phản ứng hết với kim loại Na (dư), thu được V lít khí H_2 (đktc). Biết khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất bằng 0,8 g/ml. Giá trị của V là

- A. 4,256. B. 8,512. C. 6,72. D. 1,792.

Câu 45: Đốt cháy hoàn toàn một lượng chất hữu cơ X thu được 3,36 lít khí CO_2 ; 0,56 lít khí N_2 (các khí đo ở đktc) và 3,15 gam nước. Khi X tác dụng với dung dịch NaOH thu được sản phẩm có muối $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COONa}$. Công thức cấu tạo thu gọn của X là



- A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOC}_2\text{H}_5$
C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{COOH}$

- B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOC}_3\text{H}_7$
D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOCH}_3$

Câu 46: Chất rắn X phản ứng với dung dịch HCl được dung dịch Y. Cho từ từ dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch Y, ban đầu xuất hiện kết tủa xanh, sau đó kết tủa tan, thu được dung dịch màu xanh thẫm. Chất X là

- A. Fe. B. Cu. C. FeO. D. CuO.

Câu 47: Hỗn hợp X gồm SO_2 và O_2 có tỉ khối so với H_2 bằng 28. Lấy 4,48 lít hỗn hợp X (đktc) cho đi qua bình đựng V_2O_5 nung nóng. Hỗn hợp thu được cho lội qua dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư thấy có 33,51 gam kết tủa. Hiệu suất phản ứng oxi hoá SO_2 thành SO_3 là

- A. 25%. B. 60%. C. 75%. D. 40%.

Câu 48: Cho dung dịch X chứa KMnO_4 và H_2SO_4 (loãng) lần lượt vào các dung dịch: FeCl_2 , FeSO_4 , CuSO_4 , MgSO_4 , H_2S , HCl (đặc). Số trường hợp có xảy ra phản ứng oxi hoá - khử là

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 49: Chất X có công thức phân tử là C_5H_{10} . Khi cho X tác dụng với dung dịch Br_2 thì thu được 2 dẫn xuất dibrom. Vậy X là chất nào sau đây ?

- A. 1,2-dimethylxiclopropan B. 2-metylbut-2-en
C. 2-metyl but-1-en D. 1,1,2-trimetyl xiclopropan

Câu 50: Trộn lẫn V ml dung dịch NaOH 0,01M với V ml dung dịch HCl 0,03M thu được 2V ml dung dịch Y. Dung dịch Y có pH là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1,7

Phần B. Dành cho các thí sinh học theo chương trình nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Một hidrocarbon mạch hở tác dụng với HCl sinh ra sản phẩm chính là 2-clo-3-metylbutan. Hidrocarbon này có tên gọi là

- A. 2-metylbuten-1 B. 2-metylbuten-2 C. 3-metylbuten-1 D. 3-metylpen-1

Câu 52: Hỗn hợp A gồm SO_2 và O_2 có tỉ khối so với H_2 bằng 24. Đun nóng hỗn hợp A với xúc tác V_2O_5 sau một thời gian được hỗn hợp khí B, tỉ khối của B so với H_2 bằng 30. Hiệu suất phản ứng oxi hoá SO_2 thành SO_3 là

- A. 60%. B. 40%. C. 80%. D. 20%.

Câu 53: Phát biểu **đúng** là

- A. Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
B. Khi thủy phân chất béo luôn thu được $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$.
C. Tất cả các este phản ứng với dung dịch kiềm luôn thu được sản phẩm cuối cùng là muối và rượu.
D. Phản ứng giữa axit và rượu khi có H_2SO_4 đặc là phản ứng một chiều.

Câu 54: Trộn 100 ml dung dịch có pH = 1 gồm HCl và HNO_3 với 100 ml dung dịch NaOH nồng độ a mol/l thu được 200 ml dung dịch có pH = 12. Giá trị của a là

- A. 0,12 B. 0,15 C. 0,30 D. 0,03

Câu 55: Hidrocarbon X ở điều kiện tiêu chuẩn có khối lượng riêng là 2,321g/l. Lấy 7,8 gam X cho vào dung dịch Br_2 dư thấy có 72 gam Br_2 tham gia phản ứng, mặt khác khi cho X vào dung dịch AgNO_3 trong NH_3 thì thu được kết tủa màu vàng. Tên gọi của X là

- A. Buta-1,3-dien B. Vinyl axetilen C. but-1-in D. Buta-1,2,3-trien

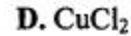
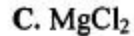
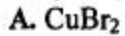
Câu 56: Cho dãy các chất: FeO , $\text{Fe}(\text{OH})_2$, FeSO_4 , Fe_3O_4 , $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, Fe_2O_3 . Số chất trong dãy bị oxi hóa khi tác dụng với dung dịch HNO_3 đặc, nóng là

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 3

Câu 57: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai ancol, thu được 13,44 lít khí CO_2 (đktc) và 15,3 gam H_2O . Mặt khác, cho m gam X tác dụng với Na (dư), thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 12,9. B. 15,3. C. 16,9. D. 12,3.

Câu 58: Điện phân nóng chảy muối A tạo bởi kim loại M và halôgen X thu được 0,96 gam kim loại ở catôt và 0,896 lít khí (đktc) ở anôt. Nếu cho muối A ở trên tác dụng với dung dịch AgNO_3 dư thì thu được 11,48 gam kết tủa trắng. Công thức muối A là



Câu 59: Este X (có khối lượng phân tử bằng 103 đvC) được điều chế từ một ancol đơn chức (có tỉ khối hơi đối với oxi lớn hơn 1) và một aminôaxit. Cho 25,75 gam X phản ứng hết với 300 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y. Cô cạn Y thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 29,75

B. 27,75

C. 26,25

D. 24,25

Câu 60: Phát biểu nào sau đây *không* đúng ?

A. Dung dịch Na_2CO_3 làm phenolphtalein không màu chuyển sang màu hồng.

B. Trong các dung dịch: HCl , H_2SO_4 , H_2S có cùng nồng độ 0,01M, dung dịch H_2S có pH lớn nhất.

C. Nhỏ dung dịch NH_3 từ từ tới dư vào dung dịch AlCl_3 , thu được kết tủa trắng.

D. Nhỏ dung dịch NH_3 từ từ tới dư vào dung dịch CuSO_4 , thu được kết tủa xanh.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN 1
Môn Hóa học



Câu	Mã 211	Mã 212	Mã 213	Mã 214	Câu	Mã 211	Mã 212	Mã 213	Mã 214
Câu 1	A	A	D	C	Câu 31	C	D	C _x	C
Câu 2	C	C	C	D	Câu 32	D	A	D _x	D
Câu 3	B	D	A	C	Câu 33	D	D	A _✓	A
Câu 4	A	C	C	D	Câu 34	B	A	B _✓	D
Câu 5	A	B	A	D	Câu 35	A	B	D	C
Câu 6	A	A	D	C	Câu 36	B	D	C	B
Câu 7	B	D	C	D	Câu 37	A	C	B	D
Câu 8	C	C	B	D	Câu 38	C	B	B	D
Câu 9	A	B	D	A	Câu 39	B	B	C	A
Câu 10	A	B	A	C	Câu 40	B	C	A	B
Câu 11	B	C	A	C	Câu 41	C	B	A	B
Câu 12	B	C	D	B	Câu 42	D	A	C	A
Câu 13	A	A	D	A	Câu 43	C	C	B	B
Câu 14	D	D	B	A	Câu 44	A	B	B	D
Câu 15	A	A	C	B	Câu 45	B	C	D	D
Câu 16	D	D	B	B	Câu 46	C	D	D	B
Câu 17	D	C	B	C	Câu 47	B	B	B	D
Câu 18	A	D	B	B	Câu 48	B	B	A	A
Câu 19	D	D	B	A	Câu 49	C	A	A	C
Câu 20	D	D	C	D	Câu 50	D	B	A	C
Câu 21	B	C	D	D	Câu 51	D	A	C	A
Câu 22	C	B	D	B	Câu 52	D	A	C	D
Câu 23	D	C	A	C	Câu 53	C	C	A	B
Câu 24	C	D	C	C	Câu 54	D	B	A	B
Câu 25	D	C	C	B	Câu 55	C	D	B	A
Câu 26	B	A	B	B	Câu 56	C	A	A	A
Câu 27	B	B	D	A	Câu 57	B	D	B	C
Câu 28	A	A	A	B	Câu 58	A	C	C	C
Câu 29	A	B	D	A	Câu 59	D	A	C	A
Câu 30	C	D	D	A	Câu 60	C	A	D	C

BAN TỔ CHỨC